

ĐẦU TƯ VÀO NÔNG, LÂM NGHIỆP Ở VIỆT NAM: XU HƯỚNG VÀ CHÍNH SÁCH

Lưu Đức Khải

Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương

Nội dung chính

- Yêu cầu của thị trường thế giới đối với sản phẩm nông, lâm nghiệp
- Xu hướng đầu tư vào ngành nông, lâm nghiệp trên thế giới và tại Việt Nam
- Xu hướng đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào nông, lâm nghiệp
- Các chính sách của nhà nước nhằm thu hút đầu tư vào nông, lâm nghiệp

Yêu cầu của thị trường thế giới đối với sản phẩm nông, lâm nghiệp

- 4 yêu cầu của hàng nông sản:
 - Chất lượng
 - Giá cả
 - VSATTP
 - Truy suất nguồn gốc
 - Trách nhiệm xã hội.
- Ngoài thuế (thuế NK, thuế GTGT và thuế hàng hóa) còn có các yêu cầu bắt buộc khác.
- Mỗi thị trường có các yêu cầu cụ thể đối với mỗi loại hàng hóa nhập khẩu.

Yêu cầu của thị trường thế giới đối với sản phẩm nông, lâm nghiệp

- Kiểm soát ATVSTP, tình trạng nhiễm bệnh, thành phần thực phẩm, bao bì, nhãn mác hàng hóa... Sản phẩm không được coi là an toàn bị từ chối nhập khẩu
- Sử dụng giới hạn các loại thuốc BVTV, hóa chất: Sản phẩm có hàm lượng cao hơn cho phép hoặc chất cấm bị từ chối nhập khẩu
- Sự hợp pháp và truy suất nguồn gốc sản phẩm
- Kiểm tra (kiểm tra chứng cứ tài liệu, kiểm tra nhãn mác, kiểm tra vật lý), cảnh báo (các cấp độ).
- Các yêu cầu về PTBV, BVMT và đảm bảo an sinh xã hội

Xu hướng đầu tư vào ngành nông, lâm nghiệp trên thế giới

- Bối cảnh thay đổi trên thế giới
 - Dân số tăng nhanh
 - Già hóa dân số tại các nước phát triển
 - Thay đổi nhận thức về ANLT
 - Phát triển các mô hình kinh doanh mới: NL-DL
 - Phát triển của cách mạng KHKT, I4.0
 - Hội nhập quốc tế và bảo hộ
 - Thách thức trong thích ứng với yêu cầu BDKH

Xu hướng đầu tư vào ngành nông, lâm nghiệp trên thế giới

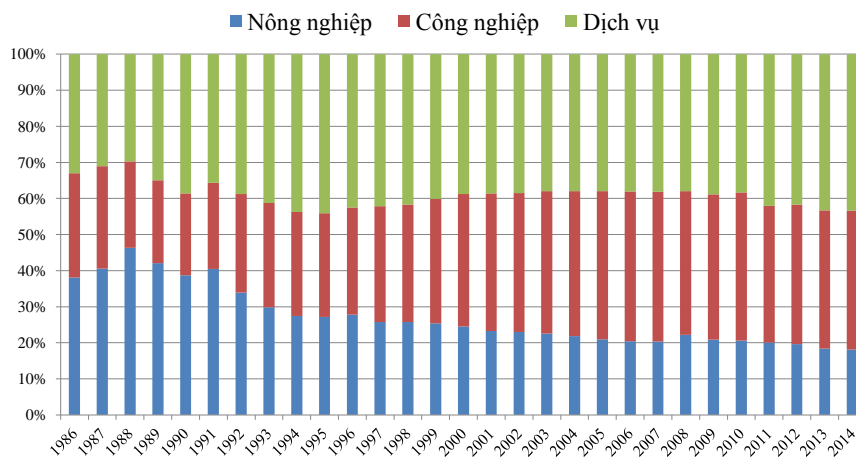
- Phát triển nền nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ cao (NN 4.0)
 - Áp dụng thành tựu công nghệ mới, nhất là CNTT
 - Thay đổi phương thức sản xuất, làm việc trên những cánh đồng bằng phương pháp điều khiển từ xa...
 - Tối ưu hoá quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng nông sản, bảo vệ môi trường, cải thiện đời sống và làm giàu cho người nông dân
- Mỹ, Brazil, Argentina: Giảm 50% giá thành ngô, đỗ tương
- Nhật Bản, 2 triệu nông dân, 1,5 triệu ha đất NN đủ gạo nuôi 127 triệu dân, xuất khẩu thịt bò, một số rau quả.
- Malaysia, thu nhập trồng ớt hơn gấp đôi (+129%).
- Philippines, từng NK trên 2 triệu tấn ngô mỗi năm, từ 2017 sản xuất 8 triệu tấn ngô (nhu cầu 5,6 triệu tấn), nhờ sử dụng giống ngô lai và công nghệ tưới bằng năng lượng mặt trời

Cơ giới hóa nông nghiệp



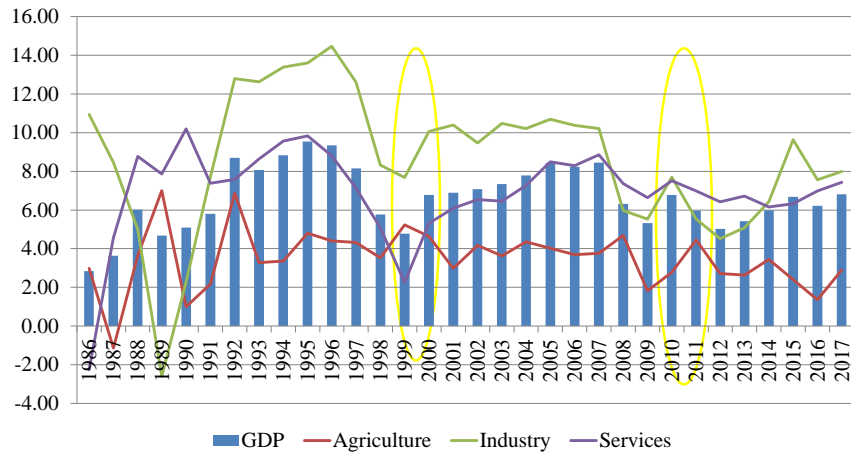
4

Vai trò của nông nghiệp trong nền kinh tế



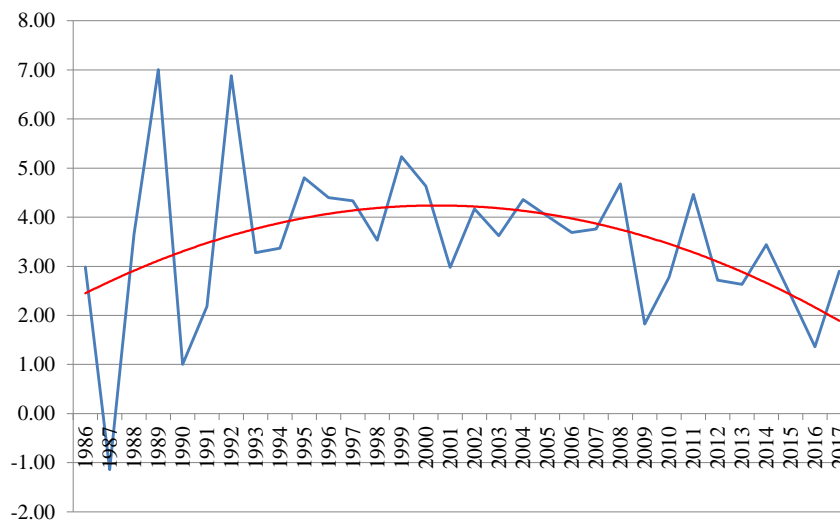
2017: NN 16,32%; CN: 32,72%; DV: 40,92, Thuế
SP-Trợ cấp SP: 10,04%

Tăng trưởng nông nghiệp

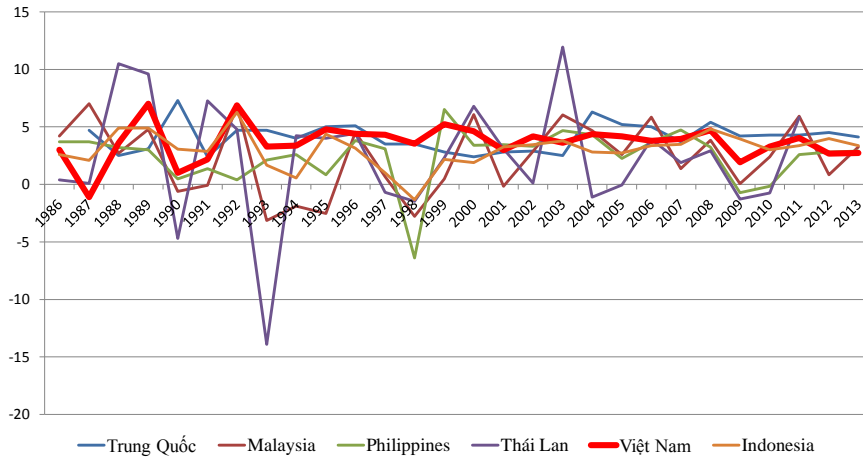


2017: 6,81%, NLTS: 2,9% (1,36% năm 2016 góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng chung); CN-XD 8%, góp 2,77 điểm phần trăm; DV 7,44% góp 2,87 điểm phần trăm.

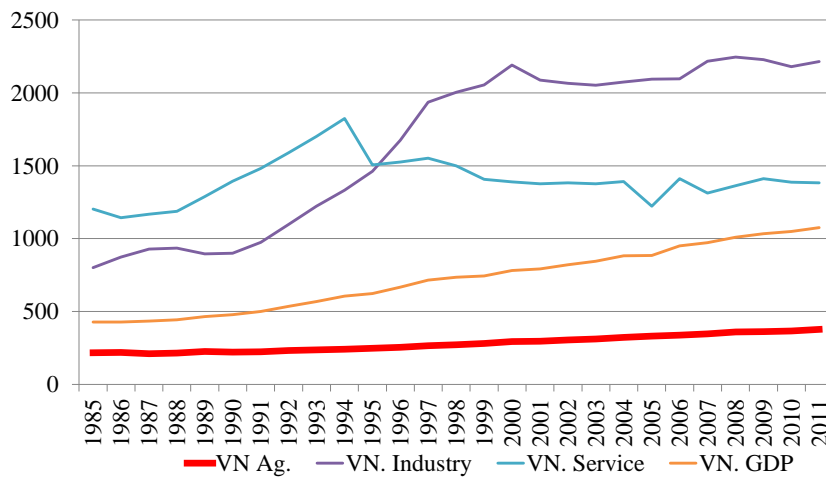
Xu hướng của tăng trưởng nông nghiệp



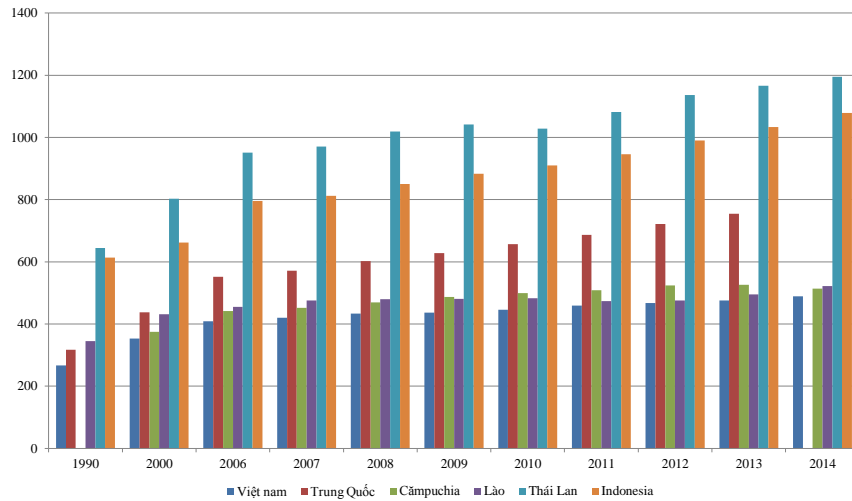
Tăng trưởng nông nghiệp của Việt Nam và một số nước trong khu vực



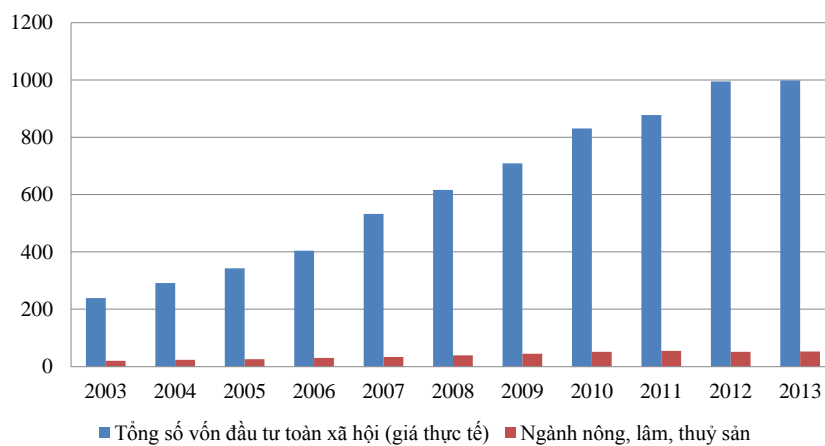
GTGT/lao động theo ngành (USD)



GTGT nông nghiệp/lao động (USD)

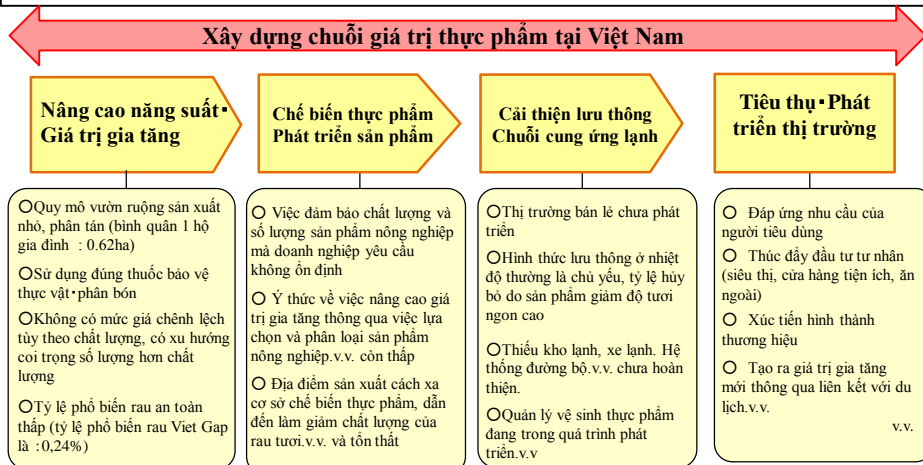


Đầu tư cho nông nghiệp chưa xứng tầm



Các vấn đề chính của nông nghiệp Việt Nam – theo chuyên gia Nhật Bản

- Mặc dù nông nghiệp là một trong những ngành kinh tế chủ lực của Việt Nam, tuy nhiên do tồn tại các vấn đề như năng suất và chất lượng còn thấp, cơ chế lưu thông của chuỗi cung ứng lạnh v.v. chưa hoàn thiện, vì vậy chưa thể phát huy hết được tiềm năng của ngành này.
- Trong thời gian tới, để ngành nông lâm thủy sản phát triển toàn diện thì vấn đề là phải xây dựng chuỗi giá trị thực phẩm gồm các khâu từ sản xuất nông nghiệp đến chế biến, lưu thông, tiêu thụ .v.v.



※ Ngoài các vấn đề nêu trên, còn tồn tại những vấn đề liên quan đến nhiều lĩnh vực như ứng phó với biến đổi khí hậu, đào tạo nhân lực chất lượng cao

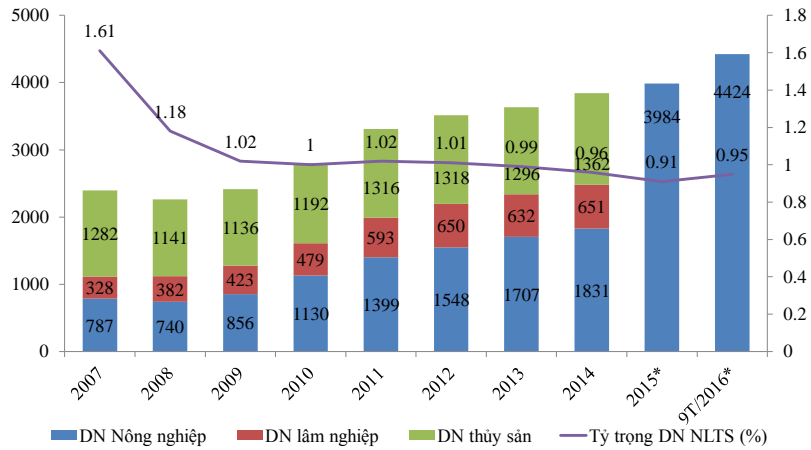
8

Xu hướng đầu tư vào nông, lâm nghiệp ở Việt Nam

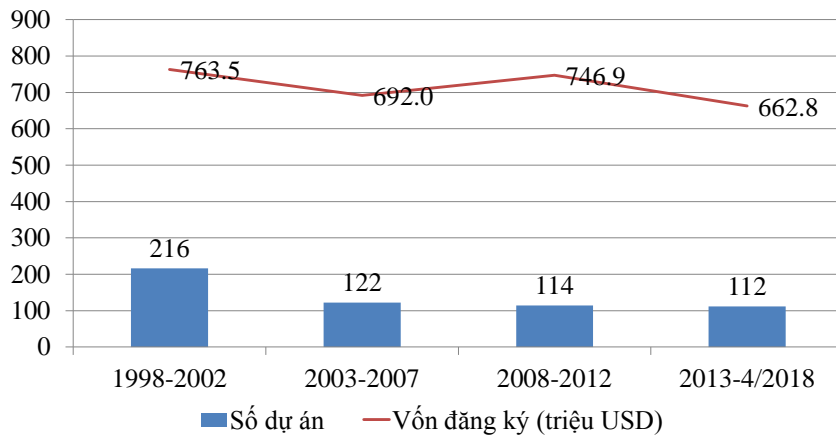
- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao
- Quan tâm tới vấn đề chất lượng và phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu
- Mở cửa và hội nhập sâu hơn, thời cơ nhiều hơn nhưng cũng nhiều thách thức hơn
- Tập đoàn đa quốc gia đầu tư chiều sâu vào phát triển nông nghiệp, xây dựng vùng nguyên liệu, phát triển chuỗi giá trị nông sản
- Chuyển hướng đầu tư từ công nghiệp sang nông nghiệp và dịch vụ của một số nước đầu tư vào Việt Nam
- Tập đoàn trong nước quan tâm đến nông nghiệp (Vingroup, TH, Hòa Phát, Hoàng Anh Gia Lai, Geneleximco, Viettel, FLC...)
- Doanh nghiệp quy mô lớn hoạt động lâu năm trong lĩnh vực nông nghiệp: Vinaseed, Giống cây trồng miền Nam, Thái Bình seed, tập đoàn Lộc Trời ...
- Đầu tư ra nước ngoài (Lào, Cam-pu-chia, Myanmar...)

Đầu tư của doanh nghiệp trong và ngoài nước vào nông, lâm nghiệp

Số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp



FDI trong nông nghiệp



FDI theo đối tác (2013-11-4/2018)

STT	Đối tác	Số dự án	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)
1	Hồng Kông	7	115.46
2	Singapore	9	112.56
3	Nhật Bản	15	108.70
4	Thái Lan	10	90.84
5	Australia	11	56.15
6	Malaysia	8	52.28
7	Hàn Quốc	14	46.73
8	Hoa Kỳ	3	17.95
9	British Virgin Islands	11	17.06
10	Đài Loan	9	16.01
11	Pháp	5	9.77
12	Israel	1	5.20
13	Hà Lan	3	4.09
14	Thổ Nhĩ Kỳ	1	4.00
15	Liên bang Nga	1	3.65
16	Trung Quốc	2	1.77
17	Ấn Độ	2	0.54
18	Tổng	112	662.76

So sánh một số chỉ số về hiệu quả DN NLS và DN khác

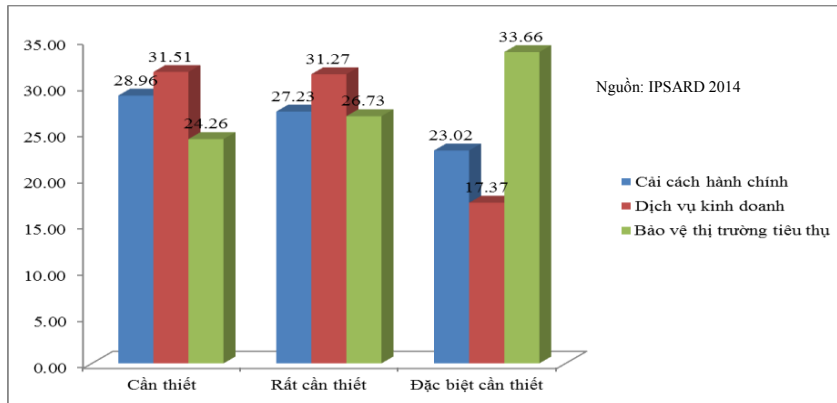
Chỉ số	Đơn vị	2010		2014	
		DN chung	DNNLTS	DN chung	DNNLTS
Vốn bình quân 1 DN	tỷ VNĐ	35.22	34.59	50.09	73.8
Lao động bình quân 1 DN	Người	71.1	104.0	29	69
Tỷ lệ DN kinh doanh thua lỗ	%	24,8	23,2	44,8	35,1
Thu nhập bình quân người lao động	triệu đồng/năm	49,8	70,2	69,5	59,2
Doanh thu bình quân người lao động	triệu đồng/năm	800	214	1092	262
Hiệu suất sử dụng lao động	lần	16,1	3	15,7	4,4
Chỉ số thanh toán hiện tại	lần	3	4,8	3,2	4,9
Chỉ số khả năng trả lãi vay	lần	3,7	10,9	6,6	9,5
Chỉ số nợ của doanh nghiệp	lần	1,9	1,2	1,9	1,2
Vòng quay vốn	lần	1,3	1,6	1,3	1,5

Nguồn: GSO, IPSARD

Nguyên nhân hạn chế sự phát triển DN NLTS

1. Rào cản về thủ tục hành chính

Tỷ lệ DN yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính, tư vấn và dịch vụ



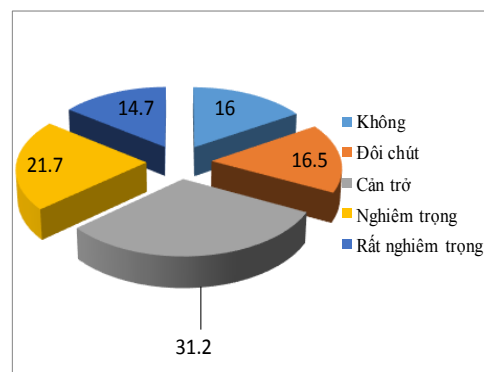
- 79,2% DN mong muốn tiếp tục cải cách hành chính thông thoáng hơn cho KD
- Thủ tục và quy định ưu đãi thuế, phí bất cập: thủ tục kiểm tra, quyết toán hoàn thuế VAT chậm, hoàn trả thuế thu nhập DN không được trả ngay bằng tiền mặt mà chỉ được khấu trừ dần, DN cung cấp nông sản trong nước phải nộp thuế VAT 5%, trong khi các DN XK không phải chịu thuế (gao)

Nguyên nhân hạn chế sự phát triển của các DN NLTS

2. Về chính sách đất đai

- 67,7% DN: CS đất đai không thuận lợi SXKD; 17,1% DN hưởng miễn giảm tiền thuê đất; chưa có CS tạo quỹ đất hạ tầng phục vụ NN
- DN thuê đất chịu chi phí lớn do ký hợp đồng với nhiều hộ nhỏ lẻ
- Các quy định về góp vốn bằng QSDĐ chưa rõ. DN đầu tư tài sản lớn trên đất không được bảo đảm

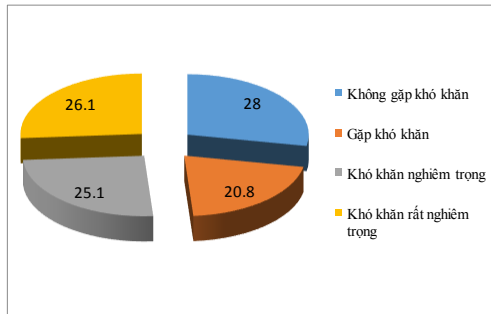
Ý kiến của DN cản trở chính sách đất đai (%)



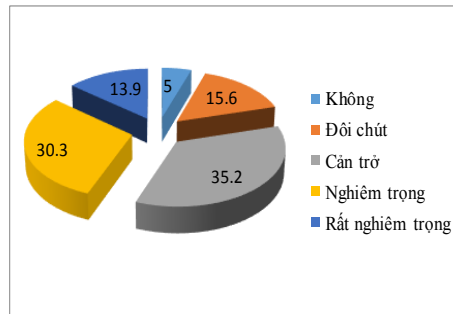
Nguyên nhân hạn chế sự phát triển của các DN NLTS

3. Bất ổn giá cả đầu vào đầu ra

Đánh giá của DN về khó khăn khi bán sản phẩm đầu ra



Mức độ cản trở của giá vật tư, dịch vụ đầu vào cao (%)

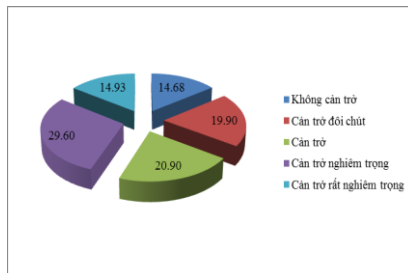


Nguồn: IPSARD 2014

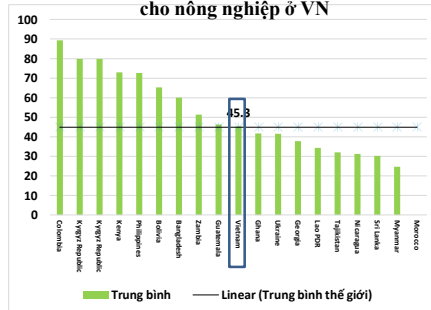
Nguyên nhân hạn chế sự phát triển của các DN NLTS

4. Rào cản về tín dụng

Đánh giá của DN về độ cản trở tiếp cận vốn



Đánh giá của WB về thị trường tài chính cho nông nghiệp ở VN

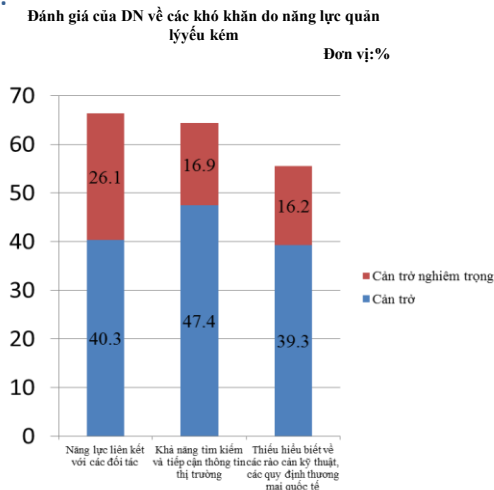


- 40% DN cần “loại bỏ hoặc hạn chế thủ tục quan liêu”. 76% DN cho rằng thủ tục phức tạp là trở ngại trong tiếp cận tín dụng, trong đó 45 % cho là đặc biệt nghiêm trọng
- KD tài chính phục vụ NN của Việt Nam đạt 45,3/100 điểm, thấp hơn Philippines (72,6), Bangladesh (60,1) do còn thiếu khung pháp lý cho các hoạt động đại lý ngân hàng cho phép bên thứ ba thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng dưới sự ủy quyền của ngân hàng thương mại tại khu vực nông thôn và Vận kho – cho phép sử dụng giống mới thu hoạch làm tài sản thế chấp thay cho nhà xưởng, xe cộ đạt 0/100 điểm trong khi dịch vụ đại lý ngân hàng ở Cambodia 74,5 điểm, Vận kho của Philippines 87,5 điểm).

Nguyên nhân hạn chế sự phát triển của các DN NLTS

5. Năng lực quản lý của DN còn hạn chế:

- Năng lực liên kết với các đối tác của DN còn yếu.
- Khả năng tìm kiếm và tiếp cận thông tin thị trường còn yếu.
- Thiếu hiểu biết về các rào cản kỹ thuật, các quy định thương mại quốc tế.



Nguồn: IPSARD 2014

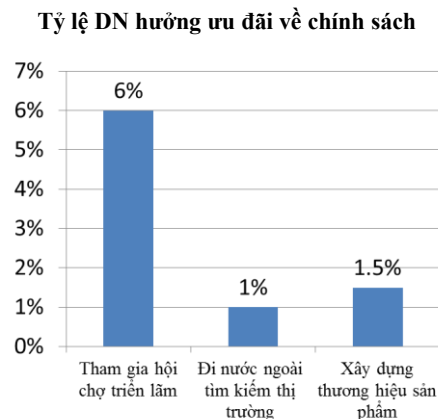
Nguyên nhân hạn chế sự phát triển của các DN NLTS

6. Hệ thống chính sách hỗ trợ còn chưa phù hợp, DN khó tiếp cận

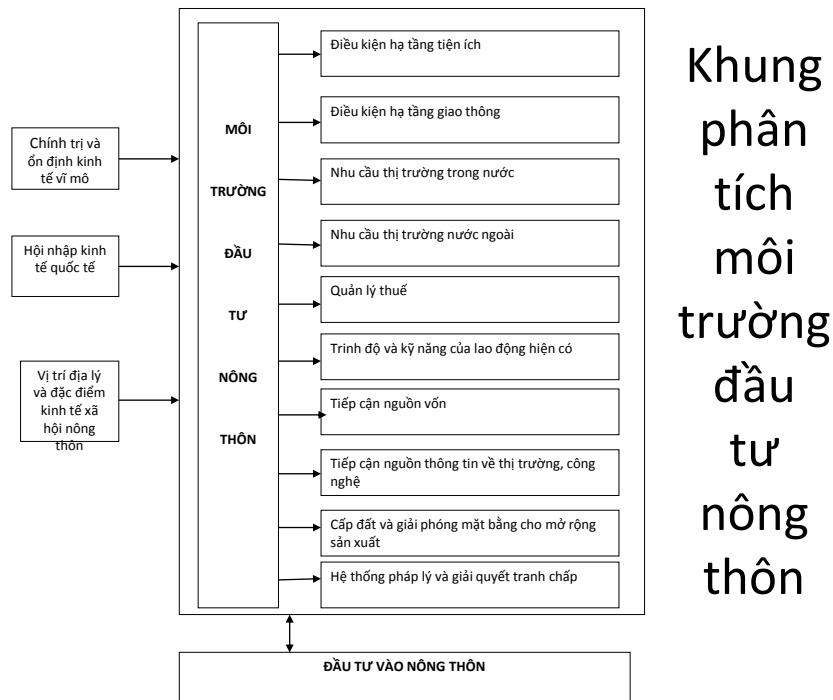
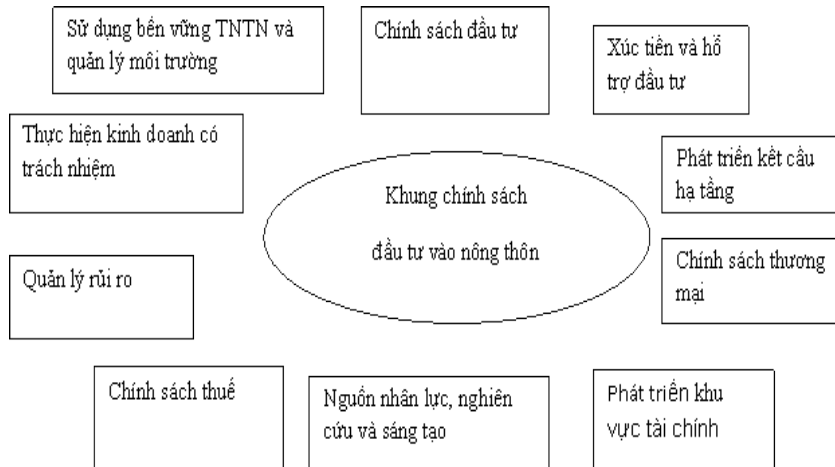
Trong 200 DN điều tra, chỉ có 6% được hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm; 1% được hỗ trợ đi nước ngoài tìm kiếm thị trường và 1,5 % được hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm.

Nguyên nhân:

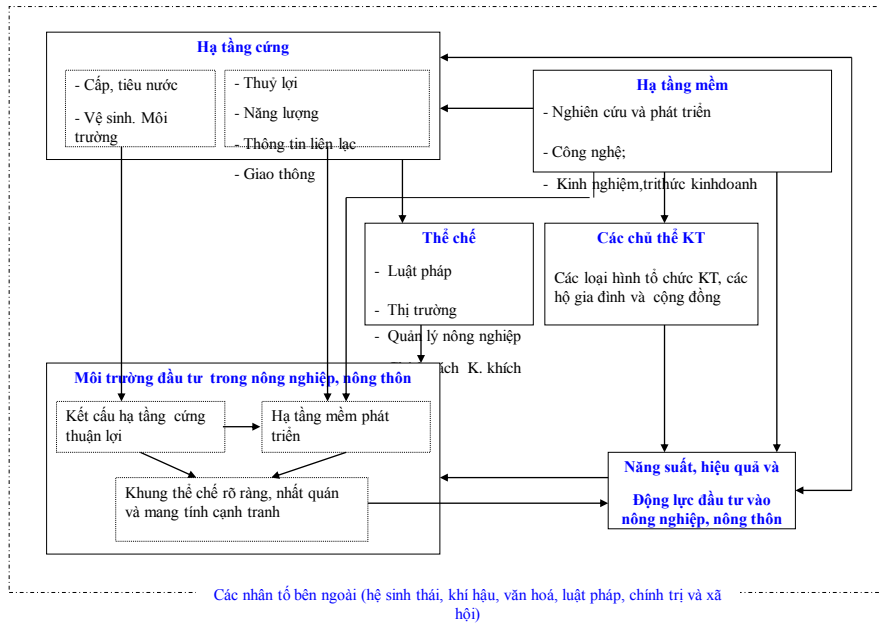
- Nguồn tài chính thực hiện chính sách ở các địa phương hạn hẹp;
- Điều kiện được thụ hưởng chính sách là DN phải có vốn đối ứng nên nhiều DN không muốn tham gia.
- Sự chậm trễ trong việc cung cấp thông tin về chính sách.



Khung chính sách đầu tư vào nông thôn



Cơ chế tác động của hạ tầng đối với MTĐTNT



Chính sách thu hút đầu tư vào nông, lâm nghiệp

- Luật đầu tư, Luật DN, Nghị quyết 19/CP, Nghị quyết 35/NQ-CP
- Nghị định 210/2013/NĐ-CP về khuyến khích DN đầu tư vào NN
- Nghị định 55/2015/NĐ-CP về tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp
- Nghị định 75/2011/NĐ-CP về Tín dụng đầu tư và tín dụng XK (bổ sung bằng NĐ 54/2013/NĐ-CP và 133/2013/NĐ-CP)
- Nghị định 92/2013/NĐ-CP về hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung đối với thuế TNDN và GTGT
- Nghị định 15/2015/ NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
- Gói tín dụng hỗ trợ chuỗi giá trị của Ngân hàng nhà nước theo Nghị quyết 14/NQ-CP của Chính phủ
- ...

Chính sách thu hút đầu tư vào nông, lâm nghiệp

- Quyết định 62/2013/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn
- Quyết định 68/2013/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong NN
- Quyết định 575/QĐ-TTg (2015) về Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến 2020, định hướng 2030
- Quyết định 01/2012/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành NN tốt
- Quyết định 315/QĐ-TTg về thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011 – 2013
- Quyết định 131/2009/QĐ-TTg về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch NT
- Chuẩn bị chiến lược tăng cường thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp đến năm 2030
- ...

- Nghị định 61/2010: 10/63 tỉnh thực hiện cấp “Giấy xác nhận ưu đãi hỗ trợ đầu tư bổ sung” cho doanh nghiệp đầu tư vào NN,NT
- Số dự án: 42 dự án
- Kinh phí duyệt năm 2010: 10,3 tỷ VNĐ, 2011: 46,5 tỷ VNĐ
- Kinh phí hỗ trợ năm 2010: Ưu đãi đất đai: 3,89 tỷ VNĐ, hỗ trợ đầu tư: 4,28 tỷ VNĐ, Ưu đãi về đất đai + hỗ trợ đầu tư: 1,4 tỷ VNĐ
- Kinh phí hỗ trợ 2011: Ưu đãi đất đai: 4,44 tỷ VNĐ, hỗ trợ đầu tư: 29,47 tỷ VNĐ, Ưu đãi về đất đai + hỗ trợ đầu tư: 7,11 tỷ VNĐ

- Nghị định 210/2013: NSTW hỗ trợ (2015-2017) 279,5 tỷ VNĐ/379,5 tỷ VNĐ thẩm định cam kết hỗ trợ (KH 2015: 168,68 tỷ VNĐ, KH 2016: 78,4 tỷ VNĐ; KH 2017: 32,3 tỷ VNĐ)
- Hỗ trợ 64 dự án/23 địa phương. Tổng mức vốn đầu tư 6.400,9 tỷ VNĐ (Tỷ lệ NSTW hỗ trợ 5,95%)
- Địa phương cam kết hỗ trợ 200 tỷ đồng (quy định NSDP tối thiểu 2-5%, tối thiểu 20.000 tỷ VNĐ)

Doanh nghiệp chưa về nông thôn

- Chính sách chưa đủ hấp dẫn
- Tỷ suất lợi nhuận NN thấp?
- Nhiều rủi ro: Thiên tai, thị trường, tài chính
- Sản xuất NN manh mún. CZH thấp, thiếu CNHT
- Kết cấu hạ tầng nông thôn chưa đáp ứng: tăng CF
- Tín dụng + Tiêu thụ sản phẩm
- DN tiếp cận đất đai: Thị trường giao đất + cho thuê đất. Miền Bắc, miền Nam
- Tiếp cận dịch vụ tín dụng: Quy mô nhỏ/thế chấp
- Tiếp cận thị trường trong/ngoài nước
- Trình độ học vấn và kỹ năng của lực lượng lao động
- Thủ tục hành chính; Các yêu cầu về thuế

Ảnh hưởng của môi trường đầu tư đến phát triển doanh nghiệp ở nông thôn

- Hệ thống hành chính còn nặng nề, làm tăng chi phí cho doanh nghiệp
- Thành lập doanh nghiệp, quy trình sau ĐKKD còn phức tạp và gây tổn kém về thời gian và tiền của cho doanh nghiệp
- Doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận đất đai cũng như tài chính cho phát triển kinh doanh.
- Cơ chế giải quyết tranh chấp và cưỡng chế thực thi hợp đồng kém hiệu quả đang hạn chế việc ký kết hợp đồng kinh doanh giữa các doanh nghiệp.
- Thủ tục phá sản chưa thực sự đơn giản để giúp các doanh nghiệp thất bại rút khỏi thị trường dễ dàng hơn

Một số kiến nghị

- **Chính sách đầu tư:** Ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư (đủ hấp dẫn)
- **Xúc tiến** và tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư
- Phát triển **kết cấu hạ tầng:** giảm CF vận tải, CF giao dịch
- Chính sách **thương mại:** FTA
- **Phát triển khu vực tài chính**
- **Nguồn nhân lực,** nghiên cứu và đổi mới
- **Chính sách thuế:** Thuế suất, thủ tục
- **Quản lý rủi ro:** Thiên tai, thị trường, pháp lý, tài chính (R, lạm phát..), xung đột lợi ích
- Thực hiện **kinh doanh có trách nhiệm**
- Sử dụng **bền vững** tài nguyên thiên nhiên và quản lý **môi trường:** Đất, nguồn nước, thuốc BVTV

Một số kiến nghị

- Doanh nghiệp bắt tay với nông dân - Hợp đồng nông sản
- Doanh nghiệp và nông dân – Tiếng nói chung
- Thắt chặt mối quan hệ hợp tác giữa doanh nghiệp và nông dân

Đề xuất

➤ Về Thủ tục hành chính

- Xây dựng quy trình đánh giá và cấp phép cho giống mới một cách minh bạch và hiệu quả thông qua cơ chế ủy ban cấp phép.
- Xây dựng và hoàn thiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ
- Hoàn thiện quy trình hiệu quả, minh bạch và ngắn gọn trong cấp phép nhập khẩu máy móc phục vụ nông nghiệp
- Rà soát điều chỉnh các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho vận chuyển xuyên biên giới, đặc biệt với các nước trong khối ASEAN

Đề xuất

➤ **Về chính sách đất đai**

- Cần đưa DN sản xuất mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp vào đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm tiền thuê đất như đối với các DN nông nghiệp
- Tăng cường khả năng tập trung ruộng đất của người dân và tổ chức kinh tế
- Đề xuất cơ chế xác định phần vốn DN ứng trước để đầu tư cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào dự án (được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) và khoản đầu tư ứng trước này được trừ dần vào tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng hoặc được trừ vào thu nhập chịu thuế của DN.

Đề xuất

➤ **Về chính sách tín dụng**

- Đánh giá tổng kết chương trình thí điểm (Quyết định 1050/QĐ-NHNN) cho vay theo chuỗi giá trị sản xuất và ứng dụng công nghệ cao để nhân rộng trong các ngành hàng của sản xuất nông nghiệp.
- Rà soát ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về cho thuê tài chính theo hướng: (i) giảm tỷ lệ vốn tự có của bên đi thuê tham gia vào phương án; (ii) nới rộng số vốn và thời gian được vay vốn của ngân hàng mẹ đối với công ty cho thuê tài chính, nếu như vốn đó là thực hiện cho thuê với khách hàng kinh doanh nông nghiệp
- Hoàn thiện chính sách quản trị rủi ro trong cho vay đối với nông nghiệp nông thôn.

Đề xuất

➤ **Về phát triển thị trường**

- Xây dựng một cách bài bản hệ thống thông tin, dự báo phân tích, giám sát thị trường nông sản và công bố thông tin rộng rãi
- Tiếp tục đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ xây dựng vùng liên kết nhất là liên kết giữa DN và hộ nông dân, giữa DN với DN, giữa DN với các siêu thị trong nước.
- Hỗ trợ xúc tiến thương mại, tăng cường liên kết B2B đối với các hoạt động thương mại xuất khẩu.
- Thành lập Quỹ phòng chống rủi ro, hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu và dịch bệnh nông nghiệp.

Đề xuất

➤ **Cải thiện năng lực quản trị doanh nghiệp**

- Xây dựng chính sách thúc đẩy phát triển các tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ về thủ tục, luật pháp cho các doanh nghiệp nông nghiệp.
- Phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp đẩy mạnh các chương trình nâng cao năng lực cho các chủ doanh nghiệp NLTS, tập trung vào các kiến thức mới và cần thiết như phân tích thị trường, tổ chức liên kết hợp tác, phát triển vùng nguyên liệu, hội nhập quốc tế, các quy định và yêu cầu của các nước xuất/ nhập khẩu nông sản, v.v.
- Phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp.

Đề xuất

➤ Về tính hiệu lực của chính sách hỗ trợ DN NLTS

- Rà soát, hoàn thiện lại hệ thống chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp trên cả nước một cách đồng bộ, thống nhất.
- Khuyến khích DN đầu tư vào khoa học công nghệ. Các chính sách cần có cơ chế chia sẻ rủi ro với DN khi nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, phát triển sản phẩm mới.
- Công khai thông tin về các chính sách hỗ trợ, các nguồn tài trợ nghiên cứu để tất cả các thành phần kinh tế đều có thể tham gia đấu thầu hoặc thực hiện dự án, đặc biệt là các dự án nông nghiệp công nghệ cao.
- Thúc đẩy liên kết công - tư trong đầu tư vào nông nghiệp thông qua xây dựng các diễn đàn về chính sách để tháo gỡ khó khăn cho DN; đưa DN cùng tham gia vào quá trình hoạch định các chính sách liên quan.

Trân trọng cảm ơn!

Lưu Đức Khải
Email: khai@mpi.gov.vn